TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HS-ST
Ngày 15 tháng 01 năm 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Kim Quy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Hùng Tự

2. Ông Trần Đức Thọ

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thảo Trang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2020/TLST-HS ngày 23/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Xuân T**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 10 tháng 10 năm 1995 tại tỉnh Tuyên Quang; Hộ khẩu thường trú: Thôn T, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; tạm trú: Tổ 18, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Lương A (đã chết),và bà: Nhữ Thị L, sinh năm:1977; Vợ: Ly Thị P (chung sống từ năm 2017 nhưng chưa đăng ký kết hôn), con: Có 01 con trai 02 tuổi nhưng chưa đăng ký khai sinh; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 19/10/2020, hiện đang bị tạm giam.

Có mặt.

- Bị hại: Bà Nhữ Thị L, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ 18, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị L- sinh năm 1971

Địa chỉ: Tổ 10, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt (có Đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ 6, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt (có Đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng: Ông Phạm Văn N. Vắng mặt (có Đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 8 giờ 50 phút ngày 17 tháng 10 năm 2020, Công an phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang nhận được tin báo của bà Nhữ Thị L, chủ quán salon tóc tại tổ 7 phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang về việc bà bị mất trộm 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu GIANT, màu sơn cam, biển kiểm soát 23MĐ-003.26. Quá trình điều tra, cơ quan công an xác định được, người lấy trộm chiếc xe máy điện trên là Nguyễn Xuân T, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1995, hộ khẩu thường trú: Thôn T, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; tạm trú: Tổ 18, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Quá trình đấu tranh, T khai: Khoảng 23 giờ ngày 16/10/2020, T đi từ khu vực cổng Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang đến quán Salon tóc Nhữ L của bà Nhữ Thị L, là mẹ đẻ của T tại tổ 07, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang để ngủ. Khi đến quán tóc, T không thấy bà L ở trong quán, cửa bên ngoài được khóa bằng loại khóa treo,T đã phá khóa cửa vào trong rồi lên giường đi ngủ. Khoảng 6 giờ sáng ngày 17/10/2020, T ngủ dậy, tìm đồ ăn nhưng không có gì ăn được. Khi T mở cửa để đi ra gian ngoài cùng thì phát hiện có 01 (một) chiếc xe máy điện (là xe của bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971; trú tại: Tổ 10, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang gửi trong quán, nhờ bà L trông coi giúp từ ngày 14/10/2020). Lúc này, T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy điện lấy tiền tiêu sài cá nhân. Sau khi kiểm tra tại xe và trong nhà không tìm thấy chìa khóa chiếc xe, T dùng tay kéo hai sợi dây điện ở dưới ổ khóa điện đấu các đầu sợi dây vào nhau, thấy đèn tín hiệu tay lái bên phải sáng màu đỏ, xác định nguồn điện ắc quy đã được kết nối với hệ thống máy, chỉ cần vặn tay ga là xe có thể di chuyển được. Sau đó T điều khiển xe máy điện vừa trộm cắp được đi đến khu vực giáp cổng bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang, gặp Đỗ Văn T, sinh năm 1993, trú tại: Tổ 6, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang đang bán hoa quả trên vỉa hè phía ngoài hàng rào bệnh viện, T đã bán xe cho T với giá 800.000^{đ} (Tám trăm nghìn đồng). Số tiền có được sau khi bán xe, T đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 61/KL-HĐĐGTS ngày 27/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng thành phố H kết luận: Chiếc xe máy điện nhãn hiệu GIANT, màu sơn cam, biểm kiểm soát 23MĐ-003.26, số khung: 621303814346, số máy 305CZ01896S6 trị giá 4.000.000^{đ}(Bốn triệu đồng chẵn).

Tại Bản cáo trạng số 02/CT-VKS-TPHG ngày 21/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Xuân T đã thừa nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã nêu, đề

nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tạo cơ hội sửa chữa sai lầm của bản thân.

Bị hại bà Nhữ Thị L đề nghị Hội đồng xét xử xử lý T theo quy định nhưng có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về dân sự: Do chiếc xe máy điện đã được thu hồi nên bà không đề nghị T bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn T có Đơn xin xét xử vắng mặt. Bà L, anh T không yêu cầu T phải bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang sau phần xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử:

-Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 6 đến 9 tháng tù.

- Xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, truy thu 800.000^{đ} (Tám trăm nghìn đồng) của Nguyễn Xuân T vào ngân sách nhà nước do bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo nhận thấy việc làm của bị cáo đã vi phạm pháp luật, các bị cáo xin được hưởng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L anh Đỗ Văn T vắng mặt, có Đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy bà L và anh T đã có lời khai tại cơ quan điều tra, bà L và anh T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Xuân T: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp

với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra, lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập và lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Sáng ngày 17/10/2020, Nguyễn Xuân T đã có hành vi lén lút trộm cắp chiếc xe máy điện nhãn hiệu GIANT, màu sơn cam, biển kiểm soát 23MĐ-003.26 do bà Nhữ Thị L quản lý. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại, gây mất trật tự ở địa phương, gây dư luận xấu trong xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng nhận thức, có sức khỏe, là người nghiện ma túy, vì muốn có tiền phục vụ nhu cầu bản thân nhưng lười lao động nên đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Xét nhân thân, tính chất mức độ phạm tội của bị cáo thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với tài sản là chiếc xe máy điện mà bị cáo đã trộm cắp, 01 chiếc kìm, 01 bộ chốt cửa, cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại nên không xem xét.

[7] Đối với số tiền 800.000^{đ} bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội, cần tịch thu sung quỹ nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Bị cáo còn có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy ngày 28/8/2020, Công an thành phố H đã ra Quyết định xử phạt hành chính nên không đề cập.

[10] Đối với Đỗ Văn T- Địa chỉ: Tổ 6, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang, là người đã mua chiếc xe máy điện của T nhưng anh T không biết đó là tài sản mà T trộm cắp được nên không xem xét xử lý.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm b khoản 2 Điều 106, Điều 136, Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân T 7 (Bẩy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, ngày 19/10/2020.

2. Xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 800.000^{đ}(Tám trăm nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Xuân T.

4. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000^{đ} (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^{a} và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSNDTPHG,tỉnh Hà Giang;
- Công an TPHG, tỉnh H Giang;
- CQTHA Hình sự CATP HG;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Nhà tạm giữ Công anTP HG, tỉnh HG;
- THA DS TP.
- Sở Tư Pháp.
- Lưu HS - BP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Kim Quy